

LÊ GHÉT THƯƠNG

(Trích *Truyện Lục Vân Tiên*)

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Nhận thức được tình cảm yêu ghét phân minh, mãnh liệt và tấm lòng thương dân sâu sắc của Nguyễn Đình Chiểu.

– Hiểu được đặc trưng cơ bản của bút pháp trữ tình Nguyễn Đình Chiểu : cảm xúc trữ tình – đạo đức nồng đậm, sâu sắc ; vẻ đẹp bình dị, chân chất của ngôn từ.

– Rút ra những bài học đạo đức về tình cảm yêu ghét chính đáng.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

Truyện thơ Nôm trong văn học Việt Nam có hai loại : loại bác học như *Truyện Kiều* và loại bình dân như các truyện *Phạm Tải – Ngọc Hoa*, *Tống Trân – Cúc Hoa*,...

– Về *Truyện Lục Vân Tiên* : *Truyện Lục Vân Tiên* thuộc loại truyện Nôm bác học, nhưng lại mang nhiều tính chất dân gian. Tác phẩm ban đầu được các học trò của Nguyễn Đình Chiểu ghi chép và truyền đọc, sau đó mới nhanh chóng lan rộng ra ngoài xã hội, biến thành một truyện kể, lưu truyền chủ yếu bằng phương thức truyền miệng, qua những sinh hoạt văn hoá dân gian rất phổ biến ở Nam Kỳ như "kể thơ", "nói thơ", "hát thơ" Vân Tiên. G. Ô-ba-rê – người Pháp đầu tiên dịch *Truyện Lục Vân Tiên* ra tiếng Pháp năm 1864 – khi đặt chân lên mảnh đất Nam Kỳ đã phải chú ý ngay đến hiện tượng này : "... tập truyện thơ *Lục Vân Tiên* được lưu truyền rộng rãi trong nhân dân, đến nỗi ở Nam Kỳ Lục tỉnh, có lẽ không một người chài lưới hay người lái đò nào lại không ngâm nga vài ba câu trong khi đưa đẩy mái chèo"⁽¹⁾. Truyện thể hiện những quan niệm đạo đức truyền thống và khát vọng của những người bình dân về lẽ công bằng trong khuôn khổ xã hội phong kiến. Nhân vật được khắc hoạ chủ yếu qua hành động, ngôn ngữ, cử chỉ hơn là qua diễn biến nội tâm. Ngôn ngữ thơ thường bình dị, nôm na, mang nhiều chất dân dã đời thường. Đặc biệt, *Truyện Lục Vân Tiên* còn rất đậm đà sắc thái Nam Bộ. Có thể nói, lần đầu tiên trong văn học dân tộc, người dân miền Nam đất Việt được thấy

(1) Theo *Một số tư liệu về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, NXB Khoa học, Hà Nội, 1965.

mình trong một tác phẩm văn chương, từ cuộc sống, lời ăn tiếng nói đến tính tình, sở nguyện,... Đó là một trong những lí do chủ yếu để tác phẩm được phổ biến rộng rãi và có sức sống lâu bền trong lòng người. GV cần nắm vững điều này để tìm cách tiếp cận tác phẩm thích hợp và giúp HS cảm nhận được vẻ đẹp độc đáo và đóng góp to lớn của Nguyễn Đình Chiểu.

– Về đoạn trích và nhân vật ông Quán : đoạn trích *Lẽ ghét thương* nằm ở phần đầu của truyện, từ câu 473 đến câu 504 trong tổng số 2082 câu thơ. Lục Vân Tiên và Vương Tử Trực (người bạn mới gặp ở nhà họ Võ, hai người đã kết nghĩa anh em) tới kinh đô ứng thí, vào một quán trọ nghỉ ngơi. Ở đây, họ gặp hai sĩ tử khác là Trịnh Hâm và Bùi Kiệm. Bốn người cùng uống rượu, làm thơ để thử tài cao thấp. Thấy Tiên, Trực làm thơ nhanh và hay, Hâm, Kiệm có ý nghi ngờ bạn *viết từng cổ thi*⁽¹⁾. Ông chủ quán rượu không giấu nổi sự khinh bỉ đã cười vào tận mặt những kẻ "bất tài đồ thơ"⁽²⁾. Ông Quán nằm trong hệ thống các lực lượng phù trợ cho nhân vật chính trên con đường thực hiện nhân nghĩa (như ông Ngư, ông Tiều, Tiểu đồng, lão bà dệt vải), chỉ xuất hiện qua ít dòng thơ, nhưng đã để lại trong lòng người đọc nhiều ấn tượng khó quên. Ông có dáng dấp một nhà nho đi ở ẩn, song tính cách lại mang đậm chất dân dã miền Nam : nóng nảy, bộc trực, ghét kẻ tiểu nhân ích kỉ, nhỏ nhen, nhưng lại giàu lòng yêu thương những con người bất hạnh. Ở đoạn sau, khi biết Vân Tiên gặp cảnh ngộ éo le, phải bỏ thi về chịu tang mẹ, ông đã bươn bả đuổi theo, đưa cho chàng mấy viên thuốc để "phòng khi đói lòng". Đoạn trích kể lại cuộc đối thoại giữa ông và bốn chàng nho sinh trong quán rượu.

– Đây là một đoạn thơ triết luận về đạo đức, có lập luận chặt chẽ, có chứng cứ rõ ràng, cô đúc như những tuyên ngôn. Ở những đoạn thơ như thế, các nhà thơ trung đại thường hay sử dụng tập trung nhiều điển tích được xem như những biểu tượng mang tính nghệ thuật cao, hàm súc, có sức thuyết phục. Có thể tham khảo ý kiến của nhà thơ Vũ Đình Liên sau đây : "... có điều là một số đoạn trong *Lục Vân Tiên* hay trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* tập trung nhiều điển tích (đoạn "thương ghét" của ông Quán trong *Lục Vân Tiên*, đoạn "chính tà" và "đui sáng" trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*,...). Điều này không tránh được, vì đây là những đoạn lập luận có tính chất hùng biện, đòi hỏi tập trung minh chứng. Về vấn đề điển tích có một điểm nữa cần phân tích thêm, đó là ý nghĩa và sức mạnh của nó đối với những nhà thơ cổ điển nói chung và đối với Nguyễn Đình Chiểu nói riêng. Việc dùng điển tích, nhất là trong văn học cổ điển ở phương Tây cũng như ở phương Đông rất phổ biến. Điển tích đối với những tác giả cũ có một giá trị hình tượng, có một sức mạnh gợi cảm sâu sắc, nghĩa là có một giá trị biểu hiện nghệ thuật cao, nói tóm lại là những hình tượng nghệ thuật súc tích. Đặc biệt đối với Nguyễn Đình Chiểu những hình tượng

(1) *Viết từng cổ thi* : nói theo thơ cổ.

(2) *Bất tài đồ thơ* : (*đồ thơ* (*đồ thư*) có nghĩa là sách vở) ý nói chẳng có tài cán gì về sách vở.

ấy là những biểu hiện sinh động của những đức tính cao quý, của những tình cảm nồng nhiệt mà mỗi lần nhắc đến, cả tâm hồn của nhà thơ rung động..."⁽¹⁾.

2. Trọng tâm bài học

– Tìm hiểu đối tượng và cơ sở của tình cảm ghét – thương thể hiện qua đoạn trích, từ đó nhận thức về quan điểm đạo đức và đánh giá tầm cao tư tưởng của tác giả.

– Giúp HS cảm nhận được tính chân thực và độ sâu sắc, mãnh liệt của cảm xúc thơ như một nét đặc trưng phong cách thơ trữ tình – đạo đức Nguyễn Đình Chiểu.

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

– *Truyện Lục Vân Tiên* là một tác phẩm HS đã được học ở THCS (lớp 9) tới ba tiết (tóm tắt truyện, hai đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* và *Lục Vân Tiên gặp nạn*, bị Trịnh Hâm hãm hại). Phần giới thiệu về tác giả Nguyễn Đình Chiểu ở bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* cũng có đề cập đến giá trị nội dung và nghệ thuật của cả tác phẩm. GV cần nắm vững điều này để tránh sự trùng lặp, và có thể gợi mở cho HS ôn lại kiến thức đã học.

– Đoạn trích có nhiều điển tích. Không nhất thiết bắt HS ghi nhớ, chỉ cần cho các em đọc chú thích và tìm ra những điểm chung giữa từng cụm điển tích để có thể hiểu được tư tưởng của tác giả.

– Yêu cầu HS đọc diễn cảm, thể hiện được độ sâu nặng và nồng nhiệt của cảm xúc tác giả.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

a) Phần Tiểu dẫn

Ngoài việc cho HS đọc, GV có thể kết hợp :

– Cho HS ôn lại phần tóm tắt truyện đã học, kể tên các nhân vật chủ yếu.

– Nói thêm về thể loại *Truyện Lục Vân Tiên*, nhấn mạnh tính chất truyện kể.

b) Đọc văn bản

Hướng dẫn HS đọc diễn cảm đoạn thơ.

c) Hướng dẫn học bài

Đoạn thơ trích có hai nội dung cơ bản : ghét và thương, được biểu hiện trong hai ý rõ ràng, nhưng lại có mối quan hệ không thể tách rời. GV có thể cho HS phân đoạn :

(1) Từ nhân sinh quan đến thẩm mỹ quan của Nguyễn Đình Chiểu, trong Nguyễn Đình Chiểu, tám gương yêu nước và lao động nghệ thuật, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973.

sáu câu thơ đầu là lời đối đáp giữa ông Quán với Tử Trục, Vân Tiên ; từ câu 7 đến câu 16 là *lẽ ghét* ; từ câu 17 đến câu 30 là *lẽ thương* ; cuối cùng là hai câu kết. Đoạn đầu chỉ cần chú ý hai câu thơ được nhắc đến trong câu hỏi hướng dẫn học bài, tập trung giảng hai đoạn giữa.

Câu 1

– Cho HS đọc đoạn thơ về *lẽ ghét* và các chú thích. GV có thể đặt câu hỏi cụ thể, gợi mở cho HS tìm ra điểm chung giữa các đối tượng *ghét* rồi nhận xét, bình giá.

– Đoạn thơ có nhiều điển tích rút ra từ sử sách Trung Quốc. Cần cho HS thấy ý nghĩa nghệ thuật của những điển tích được sử dụng tập trung trong đoạn thơ có tính triết luận này. Điều đáng chú ý là các điển tích ở đây đều được dẫn giải cụ thể nội dung, làm cho người đọc, dù chưa hiểu rõ các điển tích đó, cũng có thể biết ông Quán *ghét* những gì. Đòi Kiệt, Trụ thì hoang dâm vô độ (vua Trụ lấy rượu chứa thành ao, lấy thịt treo thành rừng rồi cho bọn con trai, con gái thả sức ăn chơi, dâm dật, xem đó là thú vui). Đòi U, Lệ thì *đa đoan*, lăm chuyện rắc rối (U Vương say đắm Bao Tự, để mua vui cho người đẹp có thể sai người xé mỗi ngày hàng trăm tấm lụa – vì Bao Tự thích nghe tiếng lụa xé). Đòi Ngũ bá, thúc quý thì lộn xộn, chia lìa, đổ nát, chiến tranh liên miên. GV có thể cho HS phát biểu rồi hướng tới kết luận : Tất cả các triều đại đó đều có một điểm chung là *chính sự suy tàn, vua chúa thì say đắm tửu sắc, không chăm lo đến đời sống của dân*.

Vì ai mà ông Quán ghét ? Phê phán các triều đại suy tàn cũng có thể xuất phát từ những lập trường khác nhau, hoặc là để bảo vệ trật tự xã hội phong kiến, vua ra vua, tôi ra tôi, bảo vệ quyền lợi của giai cấp phong kiến, hoặc vì trách nhiệm của một tôi trung,... Với Nguyễn Đình Chiểu thì không hẳn như vậy. Ở đoạn thơ này, mỗi cặp câu lục bát là một tiếng *dân* được nhắc đến. Điều đó có ý nghĩa như thế nào ? Tất cả những lời kết tội đều xoay quanh một ý : Ở các thời đại đó, chỉ có dân là phải gánh chịu mọi tai ách, khổ sở trăm chiều ("Để dân đến nỗi sa hầm sẩy hang,... khiến dân luống chịu lầm than muôn phần,... làm dân nhọc nhằn,... lằng nhằng rối dân"). Như vậy, tác giả đã đứng về phía nhân dân, xuất phát từ quyền lợi của dân mà phẩm bình lịch sử. Đó là cơ sở của *lẽ ghét*, ghét sâu sắc, mãnh liệt đến độ tận cùng của cảm xúc : "Ghét cay, ghét đắng, ghét vào tận tâm".

– *Lẽ thương* : thương *đức thánh nhân, thầy Nhan Tử, các ông Gia Cát, Đống Tử, Nguyễn Lượng, Hàn Dũ, Liêm, Lạc*. Cũng như trên, GV cho HS đọc các chú thích, rồi tìm điểm chung ở những nhân vật được nhắc đến này : tất cả đều là những người có tài, có đức và nhất là có chí muốn hành đạo giúp đời, giúp dân nhưng đều không đạt sở nguyện (Khổng Tử lận đận : "Khi nơi Tống, Vệ, lúc Trần, lúc Khuông" ; Nhan Uyên "dở dang" chết sớm ; Gia Cát "đã đành phui pha" tài năng bởi không thể xoay chuyển nổi thời vận nhà Hán ; Đống Trọng Thư chí lớn mà "không ngôi" ; Nguyễn Lượng phải "lui về cày" ; Hàn Dũ bị "đày đi xa" ; Chu Đôn Di và Trình Di, Trình Hạo

bị "xua đuổi"). Bấy nhiêu con người ít nhiều đều có những nét đồng cảnh với Nguyễn Đình Chiểu. Là một nhà nho, Nguyễn Đình Chiểu cũng từng nuôi chí hành đạo giúp đời, lập nên sự nghiệp công danh : "Chí lăm trả nợ nước non cho rồi". Nhưng cuộc đời dồn cho nhà thơ quá nhiều bất hạnh, lại thêm thời buổi nhiễu nhương, những người tài đức phải "Lánh nơi danh lợi chông gai cực lòng". Bởi thế, *lẽ thương* ở đây chính là niềm cảm thông sâu sắc tận đáy lòng nhà thơ Đồ Chiểu. Chuyện sách vở, mà cũng là chuyện cuộc đời. Nguyễn Đình Chiểu đã vì cuộc đời, vì sự an bình của nhân dân mà thương, mà tiếc cho những người hiền tài không gặp thời vận để đến nỗi phải "đành phui pha". Cái đẹp, cái cao cả là ở đó.

– Cho HS rút ra những nhận xét khái quát rồi GV diễn giảng nâng cao. Hướng kết luận : *Lẽ ghét thương* của Nguyễn Đình Chiểu xuất phát từ tình cảm yêu thương nhân dân, mong muốn nhân dân được sống yên bình, hạnh phúc, những người tài đức có điều kiện thực hiện chí nguyện bình sinh.

Câu 2

– Cho HS nhận xét về biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ :

+ Điệp từ : tần số sử dụng lớn (từ *ghét* được lặp lại 12 lần, từ *thương*, cũng 12 lần).

+ Đối từ : đối trong cả đoạn thơ "ghét... ghét...", "thương... thương..." (10 câu về *lẽ ghét*, 14 câu về *lẽ thương*) và tiểu đối trong một câu thơ ("hay ghét... hay thương" ; "thương ghét, ghét thương" ; "lại ghét... lại thương").

– Biện pháp tu từ đó có ý nghĩa như thế nào trong việc biểu hiện cảm xúc ?

Gợi ý :

+ Biểu hiện sự trong sáng, phân minh, sâu sắc trong tâm hồn tác giả : hai tình cảm *ghét – thương* cùng xuất phát từ một trái tim đa cảm tưởng như đối lập mà lại hoàn toàn thống nhất. Mở đầu đoạn thơ là một câu gắn kết : "Vì chung hay ghét cũng là hay thương", kết thúc cũng một câu như thế : "Nửa phần lại ghét, nửa phần lại thương". *Thương* là cội nguồn của cảm xúc, *ghét* cũng là từ *thương* mà ra. *Thương* và *ghét* cứ đan cài, tiếp nối, không thể tách rời, rất sâu nặng trong tâm hồn tác giả ; thương ra thương, ghét ra ghét, không mập mờ, lẫn lộn, cũng không nhạt nhòa, chung chung.

+ Tăng cường độ cảm xúc : yêu thương và căm ghét đều đạt đến độ tột cùng, yêu thương rất mực và căm ghét cũng đến điều.

GV có thể cho HS phân tích hai câu thơ 7 – 8 : lời lẽ bình dị, không đẽo gọt cầu kì, nhờ biện pháp lặp từ (tới 4 lần trong 2 câu thơ) nghe như đay nghiến, như xiết vào lòng người ; ta có thể cảm nhận được độ sâu nặng của cảm xúc, nỗi ghét dường như đạt đến độ tận cùng của tình cảm con người ("ghét vào tận tâm").

Câu 3

Để giải thích câu thơ, cần cho HS tìm hiểu mối quan hệ khăng khít không thể tách rời giữa hai tình cảm *ghét – thương* trong tâm hồn nhà thơ.

Bởi thương đến xót xa trước cảnh nhân dân phải chịu lầm than, khổ cực, thương những con người tài đức mà bị đập vùi, phải mai một tài năng và chí nguyện bình sinh nên Nguyễn Đình Chiểu càng căm ghét những kẻ làm hại dân, hại đời, đẩy con người vào những cảnh ngộ éo le, oan nghiệt. Giữa cuộc đời đầy rẫy những bất công, ngang trái, trái tim yêu thương của nhà thơ không thể không cất lên tiếng nói bất bình, căm hận những gì lỗi đạo trời, trái đạo người. "Vi chùng hay ghét cũng là hay thương". Đó là đỉnh cao tư tưởng và tình cảm của Nguyễn Đình Chiểu.

d) Trước khi kết thúc bài giảng, GV có thể cho HS phát biểu những điều cảm nhận về nhân vật ông Quán, rồi khái quát, nâng cao để khắc sâu ấn tượng.

– Ở đoạn thơ này, ông Quán là người phát ngôn cho những tư tưởng, cảm xúc nung nấu trong tâm can Đồ Chiểu. Nhân vật ông Quán nằm trong hệ thống nhân vật tượng trưng thường thấy trong văn học trung đại (những ông Ngự, ông Tiều chẳng hạn). Họ là biểu tượng của một thái độ sống, một cách ứng xử của các nhà nho ngày xưa, vốn "kinh sử đã từng", nhưng khi thời thế không thuận chiều (bang vô đạo), họ lui về ẩn dật để giữ mình cho khỏi vấy bùn nhơ: "Công danh phú quý màng chi, – Sao bằng thông thả mặc khi vui lòng". Ông Quán ở đây cũng vậy, có điều ông lại mang một cốt cách rất đặc biệt: bộc trực, thẳng ngay, phân minh, rạch ròi, bởi giàu tình thương nên cũng nặng nỗi ghét: "Ghét cay, ghét đắng, ghét vào tận tâm". Cách biểu hiện cảm xúc đó mang đậm tính cách con người miền Nam đất Việt, như Giáo sư Trần Văn Giàu đã nói: "... trải sóng gió, vượt núi đèo, người Việt cực Nam dường như đã bỏ lại đằng sau mình những cái gì quá nặng nề, quá ràng buộc của Nho giáo. Tính tình người dân đơn giản, thẳng thắn, có khi "nguyên thủy"⁽¹⁾.

– Đặc trưng bút pháp trữ tình của Nguyễn Đình Chiểu: Đoạn thơ này mang tính chất triết lí đạo đức nhưng không hề khô khan, cứng nhắc mà dạt dào cảm xúc. Những cảm xúc đạo đức sâu sắc mà nồng đậm đó xuất phát từ cõi tâm trong sáng, cao cả của nhà thơ, từ một trái tim sâu nặng tình đời, tình người, thông qua những lời lẽ có khi mộc mạc đến thô sơ, cứ thế đi thẳng vào trái tim người đọc, người nghe, để lại những ấn tượng khó phai nhòa. Sức thu hút của những câu thơ Đồ Chiểu chính là ở chỗ đó.

(1) *Vì sao tôi thích đọc Nguyễn Đình Chiểu?*, trong *Nguyễn Đình Chiểu, tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật*, Sđd.

III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Kiểm tra, đánh giá

GV nên căn cứ vào trọng tâm bài học, đặt những câu hỏi kiểm tra theo các vấn đề sau :

- Nội dung *Lẽ ghét thương* của Nguyễn Đình Chiểu.
- Mối quan hệ giữa hai tình cảm *ghét* và *thương* trong tâm hồn tác giả.
- Đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích.

2. Gợi ý giải bài tập

GV nên để HS lựa chọn tùy theo cảm xúc của các em, có thể chọn câu 4 hoặc câu 7, 8. Những câu thơ đó đều đã được giảng trong bài, có thể để HS tự do thể hiện những điều đã cảm nhận được qua bài giảng.

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thạch Giang (khảo đính và chú thích), *Truyện Lục Vân Tiên*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1975.

2. Nhiều tác giả, *Nguyễn Đình Chiểu, tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật*, Sđd.